

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẠI ĐÀ NẴNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 137/2023/HSPT

Ngày: 21/4/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Phạm Ngọc Thái**

Các thẩm phán:

ông Phạm Văn Hợp

- **Thư ký phiên tòa:** bà **Võ Thị Nhị Tú** - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Quách Đức Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 39/2023/TLPT-HS ngày 17 tháng 01 năm 2023 đối với các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Văn T1 do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 79/2022/HS-ST ngày 15 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- *Bi cáo có kháng cáo:*

1. Lê Văn T; sinh ngày 28/7/1976; giới tính: Nam; nơi cư trú: xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: không biết chữ; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông Lê Văn t (đã chết) và bà Lê Thị l; vợ là Lê Thị t; có 03 con (lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2009); tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/5/2022 đến ngày 29/8/2022 được thay thế bằng biện pháp Bảo lĩnh. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn T1; sinh ngày 19/5/1975; giới tính: Nam; nơi cư trú: huyện T, tỉnh Quảng Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: lớp 7/12; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông Nguyễn Văn Ấm và bà Lê Thị T; vợ là Trần Thị T, có 03 con (lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ

nhất sinh năm 2007); tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/5/2022 đến ngày 29/8/2022 được thay thế bằng biện pháp Bảo lãnh. Bị cáo vắng mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án còn có những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 04 giờ 15 phút ngày 10 tháng 5 năm 2022, tại khu vực thôn s, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Quảng Bình phát hiện, bắt quả tang Lê Văn T và Nguyễn Văn T1 đang có hành vi vận chuyển 21 bao lác màu xanh bên trong chứa tổng cộng 821 kilôgam thuốc nổ (loại thuốc bom) trên xe ô tô mang Biển kiểm soát 73C-010.20 do Nguyễn Văn T1 điều khiển.

Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Lê Văn T, kết quả thu giữ nhiều loại gồm thuốc nổ đen, đạn ghém tự chế, súng săn, vỏ đạn ghém, dụng cụ làm đạn để bắn súng săn.

Tiến hành khám xét nhà của Nguyễn Văn T1, kết quả thu giữ 25 kilôgam thuốc nổ (loại thuốc bom) đựng trong 01 bao lác màu xanh được cất giấu ở trong kho đông lạnh đặt cạnh nhà ở của Nguyễn Văn T1.

Tại Bản kết luận giám định số 576 ngày 16 tháng 5 năm 2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình kết luận: Các mẫu gửi giám định ký hiệu từ A1 đến A22 đều là thuốc nổ, loại thuốc nổ có thành phần chính là Trinitrotoluen (TNT), còn sử dụng được.

Tại Bản kết luận giám định số 653 ngày 10 tháng 6 năm 2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình kết luận: Mẫu ký hiệu A7 gửi giám định là súng săn bắn đạn ghém, không phải là vũ khí quân dụng, còn sử dụng được; Mẫu ký hiệu A1 là đạn ghém, thuộc đạn súng săn, không phải là vũ khí quân dụng, còn sử dụng được; Mẫu ký hiệu A2.1 và A2.2 là vỏ đạn ghém; Mẫu ký hiệu A3, A4, A6 là các viên bi kim loại, có thể nhồi trong đạn ghém, không phải là vũ khí; Mẫu ký hiệu A5.1, A5.2, A5.3, A5.4, A5.5 không phải là vũ khí.

Tại Bản kết luận giám định số 668 ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình kết luận: Các Mẫu ký hiệu từ A1 đến A6 gửi giám định đều là thuốc nổ, loại thuốc nổ đen (có thành phần là KNO₃, C và S), còn sử dụng được, tổng khối lượng 1.624,406 gam; Mẫu ký hiệu A8 là hạt nổ thuộc vật liệu nổ, vỏ bằng kim loại, còn sử dụng được; Mẫu ký hiệu A7 là vật dạng rắn màu nâu trọng lượng 576,76 gam không giám định được là chất gì.

Quá trình điều tra các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội cụ thể như sau:

Năm 2012, Lê Văn T có quen biết với một người đàn ông tên “Hải”, trú tại thành phố Hà Nội (không rõ lai lịch). Quá trình quen biết, “Hải” đã cho T 01 khẩu súng săn, 07 viên đạn và 12 vỏ đạn súng săn, các viên bi kim loại để nhồi (đóng) trong đạn ghém và một số dụng cụ để làm đạn cùng 1.624,406 gam thuốc nổ, 45 hạt nổ, 01 vật dạng rắn màu nâu trọng lượng 576,76 gam. Sau đó T đưa về nhà cất giấu.

Khoảng tháng 8 năm 2018, anh trai của T là Lê Văn Tuấn (đã chết), nói cho T biết có cất giấu 21 bao lác chứa thuốc nổ ngay dưới gốc cây Lộc Vừng trong khuôn viên sau vườn nhà T. Khoảng tháng 11 năm 2020, T dùng xẻng tiến hành đào 21 bao lác chứa thuốc nổ lên rồi thay các bao lác bên ngoài đã bị rách bằng các bao lác mới sau đó vận chuyển vào nhà kho tiếp tục cất giấu sau các bao lác chứa vỏ thông.

Ngày 09 tháng 5 năm 2022, T liên lạc với Nguyễn Văn T1 nhờ vận chuyển thuốc nổ được cất giấu tại nhà của T ra bãi biển xã Ngư Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình cách nhà T1 khoảng 02 kilômét để cất giấu với tiền công là 02 triệu đồng, T1 đồng ý. T hẹn thời gian vận chuyển vào khoảng 03 đến 04 giờ sáng ngày 10 tháng 5 năm 2022. Sau đó T di chuyển 21 bao lác màu xanh chứa thuốc nổ từ nhà kho ra trước sân nhà để chuẩn bị bốc xếp lên xe của T1. Lúc gần 04 giờ sáng ngày 10 tháng 5 năm 2022, T1 điều khiển xe ô tô tải mang biển kiểm soát 73C-010.20 đến và cho xe đậu ở vị trí bãi đất trống gần hàng rào nhà T, đầu xe quay ra hướng đường Quốc lộ 1A, đuôi xe hướng vào nhà T. Sau đó T lần lượt bốc 21 bao lác chứa thuốc nổ lên xe của T1. Sau khi T bốc xong thì T1 điều khiển xe chạy theo hướng Nam – Bắc, chạy được khoảng 70 mét thì bị lực lượng chức năng phát hiện, bắt quả tang.

Đối với Nguyễn Văn T1: Ngoài hành vi vận chuyển thuê cho Lê Văn T 821 kilôgam thuốc nổ, thì T1 còn có hành vi tàng trữ, vận chuyển 25 kilôgam thuốc nổ tại nơi ở của T1, cụ thể: Khoảng tháng 5 năm 2019, T1 sử dụng xe ô tô tải biển kiểm soát 73C-010.20 đi bán cá tại địa phận xã A Dơi, huyện Hướng Hoá, tỉnh Quảng Trị. Quá trình bán cá, có một người đàn ông (không rõ lai lịch) đến hỏi T1 có mua thuốc nổ không thì T1 đồng ý, hai bên thỏa thuận giá là 200.000 đồng/01 kilôgam. Sau đó người đàn ông này chở đến 01 bao lác màu xanh bên trong chứa 25 kilôgam thuốc nổ. T1 trả cho người này 2.000.000 đồng tiền mặt và 150 kilôgam cá nục. Sau khi mua được thuốc nổ, T1 cho bao lác chứa thuốc nổ vào trong thùng xốp màu trắng đưa lên thùng xe ô tô và vận chuyển về nhà của T1 tại thôn T, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Bình cất giấu cho đến khi bị phát hiện và thu giữ.

Việc thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu và vật chứng: Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã thu giữ gồm:

1) 22 (hai mươi hai) bao lác màu xanh lá cây, bên trong chứa 846 kilôgam thuốc nổ dạng cục, màu xám, có nhiều kích thước và hình dạng khác nhau.

2) 1.624,406 gam (một nghìn sáu trăm hai mươi bốn phẩy bốn trăm linh sáu gam) thuốc nổ đen; 45 (bốn mươi lăm) hạt nổ; 01 (một) bình nhựa, nắp màu xanh, trên nắp dán nhãn có chữ “VIỆT NHẬT”, bên trong bình nhựa chứa 01 (một) vật bằng kim loại dạng vỏ đạn dài 2,7cm, đường kính 1,2cm, giữa thân vỏ có cuộn 01 (một) dây kim loại làm tay cầm; 02 (hai) túi nilon màu trắng (dạng túi đựng thực phẩm); 01 (một) túi nilon trong suốt, bên ngoài túi có nhãn hiệu “MỠ VẮT ĐẶC BIỆT”; 01 (một) túi nilon màu vàng.

3) 01 (một) xe ô tô tải hiệu KIA, màu xanh, biển kiểm soát 73C-010.20; phần thùng xe kín, màu trắng bạc; đã qua sử dụng, kèm theo giấy tờ của xe gồm: 01 (một) Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường bộ; 01 (một) Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự mang tên Nguyễn Văn T, địa chỉ: N, T, Quảng Bình; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mang tên Nguyễn Văn T.

4) 01 (một) vật dạng rắn màu nâu trọng lượng 576,76 gam.

5) 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105, màu đen, đã qua sử dụng, bên trong gắn sim số 0878398091.

6) 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy A22, màu đen, đã qua sử dụng, bên trong gắn 02 sim có số 0973896659 và 0399889177.

7) 01 (một) điện thoại di động hiệu IPHONE 6S, màu ghi, đã qua sử dụng, bên trong gắn sim số: 0349489629.

8) 01 (một) dây vải màu xanh đã qua sử dụng, có chiều dài 73cm.

9) 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F9, màu hồng tím, đã qua sử dụng, bên trong gắn 02 sim có số 0379399112 và 0379371584.

10) 01 (một) khẩu súng săn; 07 (bảy) viên đạn; 12 (mười hai) vỏ đạn súng săn; các viên bi kim loại để nhồi (đóng) trong đạn ghém và một số dụng cụ để làm đạn súng săn, gồm: 01 (một) búa kim loại; 01 (một) vật bằng kim loại hình trụ tròn tối màu dài 14,4cm, hai đầu bằng, đường kính 01cm; 01 (một) vật bằng kim loại hình trụ tròn tối màu dài 9,2cm, đường kính 1,8cm; 01 (một) vật bằng kim loại tối màu dạng hình tròn đường kính 10,8cm, ở giữa có 01 lỗ đường kính lớn nhất 1,6cm; 01 (một) vật bằng kim loại tối màu dài 14cm, thân dạng trụ tròn đường kính 0,3cm.

Vật chứng tại mục 9 đã trả lại cho chủ sở hữu. Vật chứng tại mục 10 đã chuyển kèm theo tài liệu cho Cơ quan Công an huyện T để xử phạt vi phạm hành chính về hành vi tàng trữ trái phép súng săn đối với Lê Văn T. Vật chứng tại mục 01 đang được bảo quản tại Kho vật chứng của Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Quảng Bình. Vật chứng tại mục 02 đang được bảo quản tại Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Quảng Bình. Số vật chứng còn lại đang bị tạm giữ tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm 79/2022/HS-ST ngày 15 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã quyết định:

1. Về tội danh: tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội “Tàng trữ, vận chuyển trái phép vật liệu nổ”; bị cáo Nguyễn Văn T1 phạm tội “Vận chuyển trái phép vật liệu nổ” và tội “Tàng trữ, vận chuyển trái phép vật liệu nổ”

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 305; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Văn T 15 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam trước từ ngày 10/5/2022 đến ngày 29/8/2022.

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 305; điểm b khoản 2 Điều 305 Bộ luật Hình sự; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 13 năm 06 tháng tù về tội “Vận chuyển trái phép vật liệu nổ” và 01 năm 06 tháng tù tội “Tàng trữ, vận chuyển trái phép vật liệu nổ”. Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung 15 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam trước từ ngày 10/5/2022 đến ngày 29/8/2022.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Trong thời hạn luật định, ngày 26/12/2022 các bị cáo Lê Văn T và Nguyễn Văn T1 có Đơn kháng cáo, với nội dung: xin giảm nhẹ hình phạt tù.

- Quá trình giải quyết xét xử phúc thẩm, bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Văn T1 không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ mới và không có văn bản hoặc đề nghị nào khác; các bị cáo T, T1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Lê Văn T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và xin giảm nhẹ một phần hình phạt.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Đà Nẵng: sự vắng mặt bị cáo Nguyễn Văn T1 không gây trở ngại cho việc xét xử, căn cứ khoản 1 Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án; căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị cáo Nguyễn Văn T1 vắng mặt và có Đơn xin hoãn phiên tòa đề ngày 14/4/2023, với nội dung: bị cáo đang bị cảm, người mệt mỏi nên không thể đến để tham gia phiên tòa ngày 21/4/2023 được. Tuy nhiên, xét thấy việc vắng mặt của bị cáo không gây trở ngại cho việc xét xử, do đó căn cứ điểm c khoản 1 Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Lê Văn T khai nhận tội, đối chiếu thấy phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có tại hồ sơ vụ án và phù hợp với lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Văn T1 trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Bị cáo Lê Văn T có hành vi tàng trữ 821 kg thuốc nổ, loại thuốc nổ có thành phần chính là Trinitrotoluen (TNT); 1.624,406 gam thuốc nổ, loại thuốc nổ đen (có thành phần là KNO₃, C và S) và 45 hạt nổ là vật liệu nổ. Bị cáo Nguyễn Văn T1 có hành vi vận chuyển 25 kilôgam thuốc nổ (loại thuốc bom) từ xã A Dơi, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị trên xe ô tô mang biển kiểm soát 73C-01020 về cất giấu tại nơi ở của bị cáo tại thôn T, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Đến ngày 10/5/2022, các bị cáo Lê Văn T và Nguyễn Văn T1 cùng có hành vi vận chuyển 821 kg thuốc nổ, loại thuốc nổ có thành phần chính là Trinitrotoluen (TNT) trên xe ô tô mang biển kiểm soát 73C- 010.20 thì bị bắt giữ.

Với những hành vi phạm tội của các bị cáo nêu trên đã xâm phạm an toàn công cộng, vi phạm các quy định về chế độ quản lý đặc biệt của Nhà nước đối với vật liệu nổ. Về khối lượng vật liệu nổ: bị cáo Lê Văn T đã tàng trữ, vận chuyển là 822,624 kilôgam thuốc nổ và 45 hạt nổ; bị cáo Nguyễn Văn T1 vận chuyển thuê cho bị cáo Lê Văn T 821 kilôgam và có hành vi tàng trữ, vận chuyển 25 kilôgam vật liệu nổ nên Bản án hình sự sơ thẩm 79/2022/HS-ST ngày 15 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội Tàng trữ, vận chuyển trái phép vật liệu nổ quy định tại điểm a khoản 4 Điều 305 Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Văn T1 phạm các tội (02 tội) là tội Vận chuyển trái phép vật liệu nổ quy định tại điểm a khoản 4 Điều 305 Bộ luật Hình sự và tội Tàng trữ, vận chuyển trái phép vật liệu nổ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 305 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù của bị cáo Lê Văn T và bị cáo Nguyễn Văn T1 về các tội phạm thì thấy: khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, bản án sơ thẩm đã đánh giá đúng vai trò của các bị cáo; tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra; xem xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Xét thấy, các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Văn T1 trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo được cơ quan điều tra xác nhận đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong việc thu hồi được toàn bộ số lượng thuốc nổ do các bị cáo đã tàng trữ, vận chuyển nên không có hậu quả xấu nào khác xảy ra. Bị cáo Lê Văn T từng tham

gia cứu người bị nạn được chính quyền địa phương xác nhận; bị cáo Nguyễn Văn T1 được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Bình tặng Giấy khen vì có thành tích trong phong trào “Nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”; Gia đình các bị cáo đều có công với cách mạng trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ: mẹ bị cáo T được tặng thưởng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; mẹ bị cáo T1 được tặng Huân chương kháng chiến hạng ba. Bản án sơ thẩm áp dụng cho các bị cáo tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s và điểm t khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và áp dụng thêm quy định tại khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để xét xử đối với bị cáo Nguyễn Văn T1 là có căn cứ pháp luật. Bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo Lê Văn T 15 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ, vận chuyển trái phép vật liệu nổ”; xử phạt Nguyễn Văn T1 13 năm 06 tháng tù về tội “Vận chuyển trái phép vật liệu nổ” và 01 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ, vận chuyển trái phép vật liệu nổ”. Tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo T1 chấp hành hình phạt chung 15 năm tù. Mức hình phạt trên đối với các bị cáo là không nặng, tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội và hậu quả mà các bị cáo gây ra. Sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không có tình tiết giảm nhẹ khác. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Đà Nẵng là đúng căn cứ pháp luật nên không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù của các bị cáo và giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm.

[4] Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Văn T1 đều phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Đối với những vấn đề khác trong vụ án đã được bản án sơ thẩm xem xét giải quyết; những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Từ những nhận định trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 BLTTHS.

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Văn T1 và giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm 79/2022/HS-ST ngày 15 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 305; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Lê Văn T 15 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ, vận chuyển trái phép vật liệu nổ”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam trước từ ngày 10/5/2022 đến ngày 29/8/2022.

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 305; điểm b khoản 2 Điều 305 Bộ luật Hình sự; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự; xử phạt

bị cáo Nguyễn Văn T1 13 năm 06 tháng tù về tội “Vận chuyển trái phép vật liệu nổ” và 01 năm 06 tháng tù tội “Tàng trữ, vận chuyển trái phép vật liệu nổ”. Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung 15 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam trước từ ngày 10/5/2022 đến ngày 29/8/2022.

2. Về án phí: áp dụng điểm a khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Văn T1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Bình ;
- PV06 Công an tỉnh Quảng Bình;
- Phòng PA09 Công an tỉnh Quảng Bình;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Quảng Bình;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Quảng Bình;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Bình;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Ngọc Thái